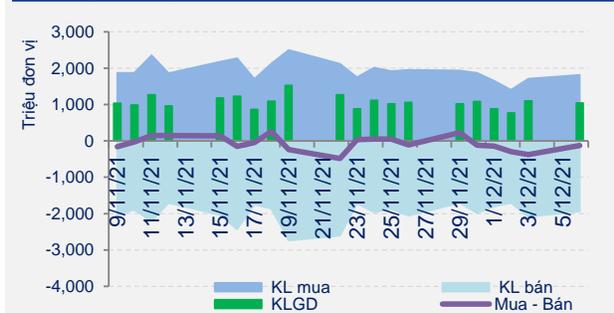
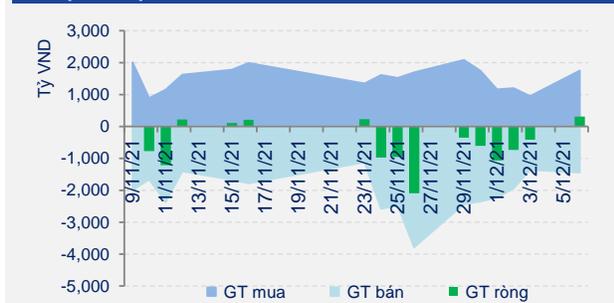


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 6/12/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,413.58	435.85
% Thay đổi	↓ -2.06%	↓ -2.99%
KLGD (CP)	1,038,620,836	155,765,223
GTGD (tỷ đồng)	31,434.46	4,093.86
Tổng cung (CP)	1,934,662,700	199,167,800
Tổng cầu (CP)	1,809,982,700	162,128,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	33,385,800	471,163
KL mua (CP)	37,922,500	425,503
GT mua (tỷ đồng)	1,750.82	14.92
GT bán (tỷ đồng)	1,441.99	18.17
GT ròng (tỷ đồng)	308.83	(3.24)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.55%	23.6	3.8	1.4%
Công nghiệp	↓ -3.27%	24.1	3.3	12.2%
Dầu khí	↓ -2.34%	18.1	1.9	1.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.65%	-	6.7	3.2%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.65%	18.8	2.8	1.1%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.73%	22.9	4.0	8.8%
Ngân hàng	↓ -2.47%	11.6	2.3	16.7%
Nguyên vật liệu	↓ -3.51%	11.3	2.7	15.4%
Tài chính	↓ -1.24%	20.5	3.6	38.1%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -3.02%	16.1	2.6	1.8%
VN - Index	↓ -2.06%	17.1	2.9	
HNX - Index	↓ -2.99%	24.7	5.1	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản suy giảm. Cụ thể, VN-Index giảm 29,74 điểm (-2,06%) xuống 1.413,58 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 58 mã tăng, 34 mã tham chiếu, 479 mã giảm. HNX-Index giảm 13,42 điểm (-2,99%) xuống 435,85 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tiêu cực với 35 mã tăng, 26 mã tham chiếu, 267 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên cuối tuần trước và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.154 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 33.659 tỷ đồng. Thị trường tăng điểm vào đầu phiên giao dịch nhưng áp lực bán gia tăng sau đó và mạnh lên trong phiên chiều đã khiến các chỉ số đồng loạt giảm mạnh. Cổ phiếu trụ cột thuộc nhóm VN30 (-1,53%) giảm khá mạnh đã tạo áp lực lên thị trường chung, có đến 22/30 mã kết phiên trong sắc đỏ như HDB (-6,1%), KDH (-6%), GAS (-4,8%), HPG (-4,1%), STB (-3,6%), SAB (-3,4%), PLX (-3%), PNJ (-3%), MBB (-2,8%), CTG (-2,7%), VCB (-2,7%), TCB (-2,4%)... Chiều ngược lại, còn 5/30 mã là tăng giá là POW (+2,6%), SSI (+1%), PDR (+0,7%), VIC (+0,1%), VJC (+0,1%) không đủ sức để lấy lại sắc xanh cho thị trường. Nhóm chứng khoán bị bán và đồng loạt kết phiên giảm mạnh như SHS (-3,6%), VCI (-1,8%), VIX (-6,9%), HCM (-4,1%), APS (-10%), ORS (-6,9%)..., chỉ có SSI (+1%) và VND (+1,2%) là còn giữ được sắc xanh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-Index (-2,6%) giảm mạnh trong phiên thứ hai liên tiếp với thanh khoản suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra có phần giảm bớt, chỉ số giảm một phần do lực cầu mua lên không thực sự tốt. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index đã mất vùng hỗ trợ 1.420-1.425 điểm khiến cho xu hướng tăng của thị trường bị suy yếu, rất may là ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.400 điểm phát huy tác dụng tốt để thúc đẩy lực cầu bắt đáy. Nhìn chung, hai phiên giảm mạnh này có diễn biến khá giống với hai phiên giảm mạnh 20/8 và 23/8 trước đó nên diễn biến hiện tại không có gì quá đáng lo ngại. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 7/12, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại với vùng kháng cự gần nhất trong khoảng 1.420-1.425 điểm. Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.400 điểm và xa hơn là vùng hỗ trợ 1.370-1.380 điểm (đỉnh tháng 6 và 8/2021). Nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải đã tham gia bắt đáy trong phiên hôm nay có thể tiếp tục gia tăng tỷ trọng nếu thị trường test những vùng hỗ trợ kể trên trong phiên tới, mục tiêu giải ngân nên là các cổ phiếu có cơ bản tốt và định giá hấp dẫn.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 6/12/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 1.452,55 điểm. Nhưng áp lực bán gia tăng từ cuối phiên sáng khiến chỉ số lùi xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.400,87 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 29,74 điểm (-2,06%) xuống 1.413,58 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB giảm 2.600 đồng, GAS giảm 4.600 đồng, HPG giảm 1.950 đồng. Ở chiều ngược lại, POW tăng 350 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay do áp lực bán xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 432,99 điểm. Cũng có thời điểm, chỉ số hồi phục nhẹ lên trên ngưỡng tham chiếu, với mức cao nhất trong phiên tại 450,18 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 13,42 điểm (-2,99%) xuống 435,85 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD giảm 2.900 đồng, BAB giảm 900 đồng, CEO giảm 4.300 đồng. Ở chiều ngược lại, TIG tăng 2.200 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 308,83 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 4,5 triệu đơn vị. VHM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 176,9 tỷ đồng tương ứng với 2,2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là SSI với 128,3 tỷ đồng tương ứng với 2,5 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, DXG là mã bị bán ròng nhiều nhất với 64,5 tỷ đồng tương ứng với 2,1 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 3,11 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 45,7 nghìn cổ phiếu. SHS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 10,2 tỷ đồng tương ứng với 216,6 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là CEO với 1,7 tỷ đồng tương ứng với 40,5 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 9,4 tỷ đồng tương ứng với 200 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên cuối tuần trước và thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là không thực sự mạnh, chỉ số giảm một phần do lực cầu mua lên yếu.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm mạnh ngày hôm nay này thì chỉ số VN-Index (-2,06%) đã xuyên thủng vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.420-1.425 điểm (đỉnh tháng 7/2021) nên xu hướng tăng của thị trường đang có sự suy yếu. Rất may là ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.400 điểm vẫn được giữ vững và có một nhịp test khá tốt trong phiên chiều giúp VN-Index thu hẹp một phần mức giảm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 7/12, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại với vùng kháng cự gần nhất trong khoảng 1.420-1.425 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.400 điểm và xa hơn là vùng hỗ trợ 1.370-1.380 điểm (đỉnh tháng 6 và 8/2021).

TIN KINH TẾ VĨ MÔ



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,7 - 61,4 triệu đồng/lượng, tăng 200.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 48 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 6/12 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.165 VND/USD, tăng mạnh tới 48 đồng so với cuối tuần qua.

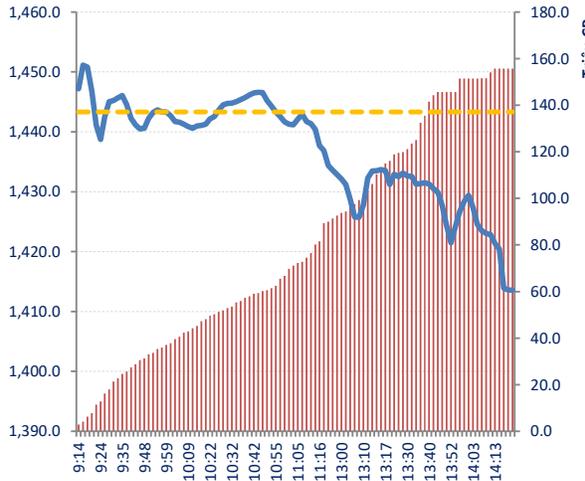
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 2,75 USD/ounce tương ứng với 0,15% xuống 1.781,15 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,143 điểm tương ứng 0,15% lên 96,255 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1290 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3262 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 113,31 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 2 USD/thùng tương ứng với 3% lên 68,27 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 3/12, Dow Jones giảm 59,71 điểm tương đương 0,17% xuống 34.580,08 điểm. Nasdaq giảm 295,85 điểm tương đương 1,92% xuống 15.085,47 điểm. Nasdaq Composite giảm 38,67 điểm tương đương 0,84% xuống 4.538,43 điểm.

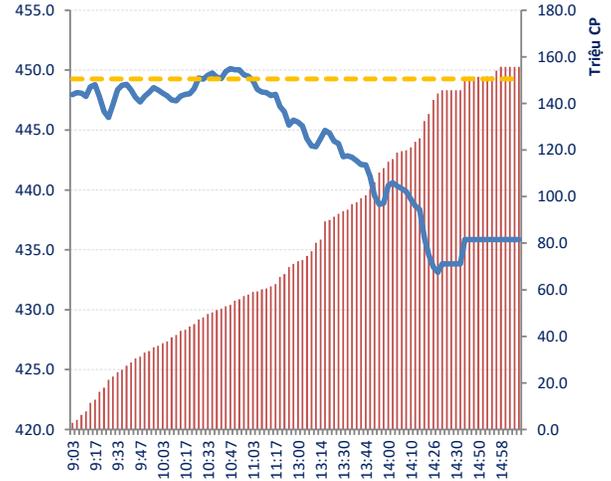


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

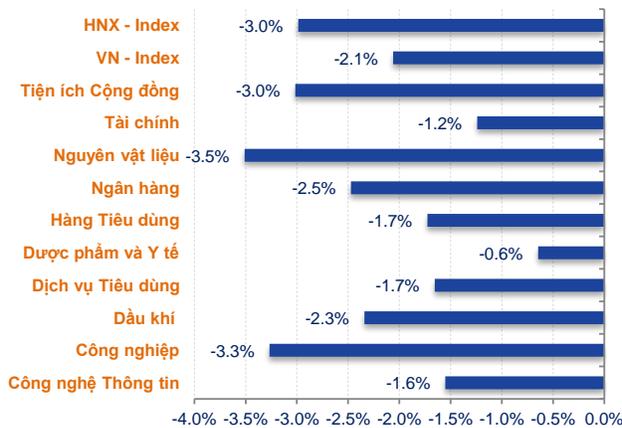
KLGD và VN-Index trong phiên



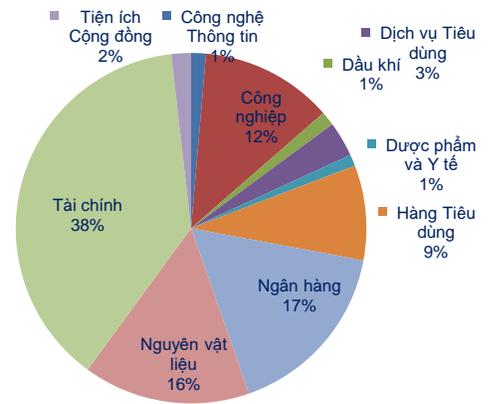
KLGD và HNX-Index trong phiên



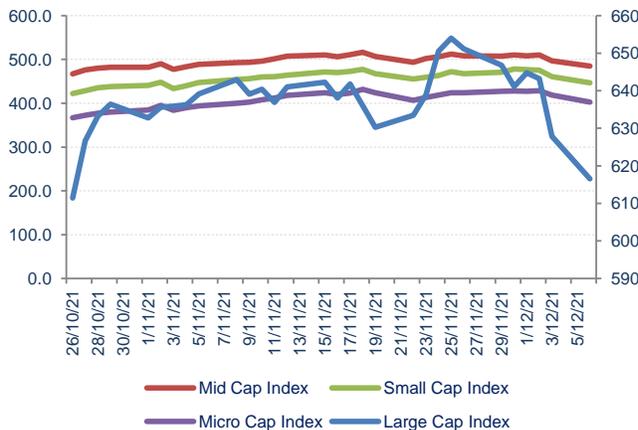
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



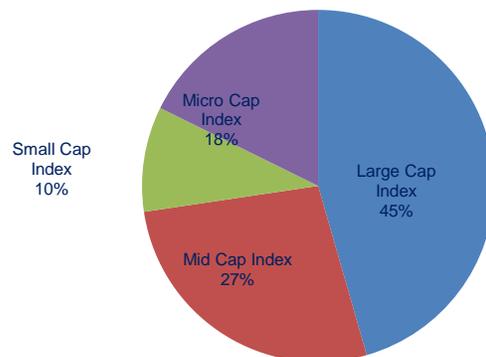
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	AGR	137,500	AAA	281,700
2	BID	132,900	APG	211,000
3	BCM	26,300	APH	204,300
4	ASM	17,800	BCG	60,400
5	BIC	17,400	ANV	38,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVI	200,000	SHS	216,600
2	NDN	17,100	TIG	51,200
3	PVL	16,300	CEO	40,500
4	PVG	12,000	API	12,500
5	SVN	9,500	HAD	11,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	8.06	8.30	↑ 2.98%	46,587,200
HPG	47.70	45.75	↓ -4.09%	34,693,900
SSI	50.50	51.00	↑ 0.99%	31,273,800
HAG	8.80	8.63	↓ -1.93%	27,811,200
ITA	13.00	13.40	↑ 3.08%	27,059,800

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	47.70	46.00	↓ -3.56%	16,767,007
KLF	6.40	6.50	↑ 1.56%	13,176,622
OCH	9.50	8.80	↓ -7.37%	6,455,330
ART	14.40	13.40	↓ -6.94%	5,788,423
CEO	43.50	39.20	↓ -9.89%	5,692,400

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LM8	15.85	16.95	1.10	↑ 6.94%
BAF	24.00	25.65	1.65	↑ 6.87%
VRC	18.30	19.55	1.25	↑ 6.83%
PTL	11.75	12.55	0.80	↑ 6.81%
FCN	21.50	22.95	1.45	↑ 6.74%

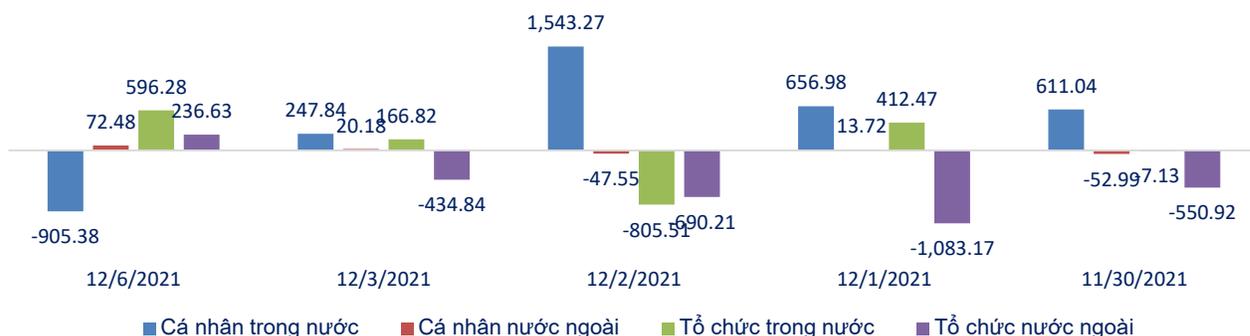
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CMS	28.20	31.00	2.80	↑ 9.93%
LM7	8.10	8.90	0.80	↑ 9.88%
LDP	32.40	35.60	3.20	↑ 9.88%
TIG	22.30	24.50	2.20	↑ 9.87%
HEV	21.50	23.60	2.10	↑ 9.77%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QBS	7.00	6.51	-0.49	↓ -7.00%
TDC	25.80	24.00	-1.80	↓ -6.98%
CTS	40.85	38.00	-2.85	↓ -6.98%
ABS	25.10	23.35	-1.75	↓ -6.97%
OGC	9.04	8.41	-0.63	↓ -6.97%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TTZ	8.00	7.20	-0.80	↓ -10.00%
L61	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
APS	46.00	41.40	-4.60	↓ -10.00%
WSS	16.00	14.40	-1.60	↓ -10.00%
C69	22.00	19.80	-2.20	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	94.63	1.6%	449	82.4	1.1
HPG	89.11	44.7%	7,085	6.7	2.5
DXG	73.63	7.5%	1,406	22.1	1.4
NLG	35.03	13.6%	4,157	13.7	1.7
HDG	27.09	17.6%	4,942	14.6	2.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-200.03	38.3%	8,968	8.9	2.9
SSI	-198.24	16.5%	2,051	24.6	3.8
VPB	-100.69	21.2%	2,772	12.9	2.5
VNM	-89.89	31.0%	5,037	17.0	5.3
STB	-86.15	11.1%	1,864	15.0	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	21.29	16.5%	2,051	24.6	3.8
TCH	17.09	5.6%	1,235	18.1	1.1
HPG	10.33	44.7%	7,085	6.7	2.5
PAN	7.93	3.4%	1,006	38.8	1.3
BMI	4.00	9.8%	2,028	21.7	1.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-8.71	N/A	N/A	N/A	N/A
DGW	-3.64	31.6%	4,739	26.1	7.5
HCM	-3.64	19.2%	2,700	16.5	2.8
KDH	-2.45	13.4%	1,891	24.3	3.0
APG	-2.06	13.2%	1,033	19.7	1.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	100.73	21.2%	2,772	12.9	2.5
VIC	88.06	2.9%	1,111	95.0	2.4
GAB	72.32	1.1%	130	1,511.5	16.7
SSI	69.46	16.5%	2,051	24.6	3.8
STB	63.30	11.1%	1,864	15.0	1.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	-87.43	1.6%	449	82.4	1.1
HPG	-82.52	44.7%	7,085	6.7	2.5
DIG	-22.99	13.1%	1,520	42.8	4.9
CTG	-17.99	18.1%	3,439	9.6	1.7
VRE	-17.77	7.2%	954	29.5	2.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	175.96	38.3%	8,968	8.9	2.9
SSI	107.49	16.5%	2,051	24.6	3.8
VNM	76.09	31.0%	5,037	17.0	5.3
VND	42.79	34.3%	4,805	15.2	3.7
BVH	30.75	8.6%	2,461	23.5	2.0

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	-64.99	7.5%	1,406	22.1	1.4
HDB	-46.09	20.7%	2,813	11.0	2.1
VIC	-42.88	2.9%	1,111	95.0	2.4
MSN	-36.92	8.4%	2,032	74.3	5.5
TPB	-28.01	23.1%	4,366	10.8	2.2



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	46,587,200	3.1%	324	24.8	0.8
HPG	34,693,900	3250.0%	7,085	6.7	2.5
SSI	31,273,800	16.5%	2,051	24.6	3.8
HAG	27,811,200	-18.4%	(1,220)	-	1.6
ITA	27,059,800	1.5%	174	74.9	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	16,767,007	25.5%	3,192	14.9	2.3
KLF	13,176,622	0.1%	6	1,053.1	0.6
OCH	6,455,330	-0.9%	(77)	-	1.1
ART	5,788,423	0.3%	32	455.5	1.2
CEO	5,692,400	-4.7%	(606)	-	3.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LM8	↑ 6.9%	2.9%	906	17.5	0.5
BAF	↑ 6.9%	13.4%	2,208	10.9	1.6
VRC	↑ 6.8%	0.1%	14	1,274.0	0.7
PTL	↑ 6.8%	2.5%	184	63.9	1.6
FCN	↑ 6.7%	4.6%	925	23.2	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CMS	↑ 9.9%	-4.0%	(541)	-	2.1
LM7	↑ 9.9%	-30.5%	(2,079)	-	1.5
LDP	↑ 9.9%	-19.8%	(1,676)	-	4.2
TIG	↑ 9.9%	8.2%	1,165	19.1	1.6
HEV	↑ 9.8%	11.4%	1,832	11.7	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
AGR	137,500	10.2%	1,003	25.2	2.5
BID	132,900	12.0%	2,484	16.9	2.0
BCM	26,300	10.6%	1,702	29.0	3.1
ASM	17,800	8.2%	2,263	9.0	0.7
BIC	17,400	12.6%	2,585	11.2	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVI	200,000	11.0%	3,561	13.3	1.5
NDN	17,100	28.9%	3,986	5.3	1.5
PVL	16,300	9.9%	475	44.2	4.1
PVG	12,000	4.3%	578	25.1	1.1
SVN	9,500	0.1%	6	1,413.0	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	401,450	2.9%	1,111	95.0	2.4
VCB	363,470	20.4%	5,696	17.2	3.3
VHM	349,220	38.3%	8,968	8.9	2.9
HPG	213,358	44.7%	7,085	6.7	2.5
GAS	184,888	16.9%	4,384	22.0	3.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	88,025	25.2%	4,694	53.6	15.2
IDC	23,190	11.8%	1,805	42.8	4.9
KSF	21,600	8.8%	764	94.2	3.6
VCS	19,280	41.5%	11,163	10.8	4.1
BAB	17,623	8.6%	979	23.9	2.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SJF	2.53	0.5%	51	329.6	1.6
FTS	2.38	22.7%	3,581	18.1	3.7
DRH	2.24	2.1%	292	72.9	1.5
IDI	2.19	2.7%	363	52.4	1.4
ANV	2.10	6.7%	1,265	27.7	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L18	2.74	4.5%	683	73.2	3.5
TTL	2.36	2.3%	324	48.4	1.1
TKC	2.34	9.4%	1,453	9.2	0.9
SDA	2.31	3.3%	243	213.7	7.0
DXP	2.20	12.7%	2,357	9.1	1.1



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
